TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T CH
TỈNH A G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T CH, TỈNH A G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh N L

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn H T;

2. Ông Phạm H Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần T H Thlà Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T CH, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T CH tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T CH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng G H, năm sinh 1981;

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp V L 2, xã Ch Ph, thị xã T CH, tỉnh A G (có mặt).

- Bị đơn: Chị Võ T D H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp V L 2, xã Ch Ph, thị xã T CH, tỉnh A G (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/11/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đặng G H trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký

kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, quyển số 01/2008 cấp ngày 06/02/2006 tại UBND xã T T, huyện V Th, tỉnh K G. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người có cách sống khác nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình và H đã tự ý bỏ nhà đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, gia đình hai bên có hàn gắn để vợ chồng về chung sống lại với nhau nhưng vẫn không cải thiện được cuộc sống vợ chồng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Võ T D H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị Hcó 01 đứa con chung tên Đặng Thiệu Tử Long, sinh ngày 21/10/2008 hiện đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tử Long và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đặng G H và chị Võ T D H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Võ T D H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau:

Về hôn nhân: Hôn nhân của anh chị là do anh chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, quyển số 01/2008 cấp ngày 06/02/2006 tại UBND xã T T, huyện V Th, tỉnh K G. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2020 chị đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương và không có liên lạc về với gia đình, mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị Võ T D H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đặng G H.

Về con chung: Chị H và anh H có 01 đứa con chung tên Đặng Triệu Tử Long, sinh ngày 21/10/2008 hiện đang sống chung với anh H. Chị H đồng ý giao con chung cho anh H được tiếp tuc nuôi dưỡng và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã T CH nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Đặng G H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Võ T D H có nơi cư trú tại Tổ 9, ấp V L 2, xã Ch Ph, thị xã T CH, tỉnh A G là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T CH theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Võ T D H đã được Tòa án nhân dân thị xã T CH triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử, nhưng chị H có đơn xin vắng mặt ngày 27/11/2021. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung: Anh Đặng G H và chị Võ T D H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vào năm 2020 chị H tự ý bỏ nhà đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn để anh chị về chung sống lại với nhau nhưng vẫn không cải thiện được cuôc sống vợ chồng nên làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn phù hợp và dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân nhau anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ nên anh H yêu cầu ly hôn và chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Do chị H bận đi làm nên không thể đến Toà án được và chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng G H và chị Võ Thi Diệu H.

[3] Về con chung: Anh Đặng G H và chị Võ T D H có 01 đứa con chung tên Đặng Triệu Tử Long, sinh ngày 21/10/2008 hiện cháu Long đang sống chung với anh H. Khi ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Tử Long. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu Tử Long cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đặng G H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng G H.

1. *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng G H và chị Võ T D H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 04, quyển số 01/2008 cấp ngày 06/02/2006 tại UBND xã T T, huyện V Th, tỉnh K G cấp cho anh Đặng G H với chị Võ T D H không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đặng Triệu Tử Long, sinh ngày 21/10/2008 cho anh Đặng G H được quyền nuôi dưỡng. Chị Võ T D H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chị H trong việc đến thăm nom con. Việc nuôi con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng G H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002599 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T CH.

Anh Đặng G H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Võ T D H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A G;
- VKSND TX.T CH;
- Chi cục THADS TX. T CH;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan